

Bản án số: **52/2021/HS - ST**
Ngày: 22/01/2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH HUYỆN Đ B, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tố Loan.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Hịa.

Ông Lò Thanh Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy Dần- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ B tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đức Thái- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: **33/2020/HSST** ngày 06 tháng 11 năm 2020; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **47/2020/QĐXXST- HS** ngày 07 tháng 12 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 02 ngày 22/12/2020 đối với Bị cáo:

Họ và tên: **Lò Văn B**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1997, tại tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: Bản H H, xã T L, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Trình độ học vấn: 06/12 phổ thông. Bố đẻ: Lò Văn N; sinh năm: 1975; Mẹ đẻ: Lò Thị T; sinh năm: 1979; Năm 2018 chung sống như vợ chồng với Lò Thị Thương trú tại xã M P, thành phố Đ B P, tỉnh Điện Biên, đến tháng 10/2019 thì không chung sống với nhau nữa và có 01 con chung sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị Tòa án xét xử.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ B từ ngày 27/9/2020 cho đến ngày xét xử (*có mặt tại phiên tòa*).

**** Những Bị hại gồm:***

- Anh **Lò Văn P**; Sinh năm: 1990; Trú tại: Bản HH, xã T L, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên (vắng mặt có lý do).

- Chị Lò Thị P, sinh năm 1990. Trú tại: Bản H H, xã T L, huyện Đ B, tỉnh

Điện Biên (vắng mặt có lý do).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Chị **Bùi Thị D**; sinh năm: 1989; Địa chỉ: Tổ 10, phường M T, Thành phố Đ B, tỉnh Điện Biên (vắng mặt có lý do).

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của bị cáo Lò Văn Biên:

Khoảng 10 giờ ngày 27/8/2020, Lò Văn Biên đi bộ từ nhà bà ngoại (bà Lò Thị B) sang nhà anh Lò Văn P ở bản H H, xã T L, huyện Đ B chơi, nhưng không có ai ở nhà, khi đi ngang qua phòng ngủ của vợ chồng anh P, Bị cáo nhìn thấy một chiếc điện thoại cảm ứng, nhãn hiệu Vivo Y11 màu xanh, có ốp lưng màu xám, đang sạc pin ở đầu giường. Lúc này Bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại trên, Bị cáo nhìn xung quanh không thấy ai ở nhà, rồi tiến lại gần chiếc điện thoại, dùng tay phải rút chiếc điện thoại ra khỏi sạc, cầm điện thoại bằng tay phải, ép sát vào túi quần bên phải, rồi nhanh chóng đi bộ ra phía ngoài đường, sau đó Bị cáo tháo 02 sim viettel gắn theo điện thoại rồi cất vào túi quần. Đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, Bị cáo mang chiếc điện thoại trên đến cửa hàng cầm đồ Chí Hội, thuộc tổ 10, phường M T, thành phố Đ B P, Bị cáo gặp chị Bùi Thị D chủ quán cầm đồ, nói là điện thoại của mình và bán chiếc điện thoại trên. Do Bị cáo nói là chiếc điện thoại trên là của Bị cáo, chị D không biết điện thoại trên do trộm cắp mà có, nên chị D đã mua chiếc điện thoại với giá 1.300.000 đồng (Một triệu ba trăm nghìn đồng). Sau khi bán được chiếc điện thoại, Bị cáo nhận số tiền rồi đi bộ về. Số tiền bán được Bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết. Đến ngày 28/8/2020 Bị cáo được cơ quan điều tra Công an huyện Đ B triệu tập làm việc và Bị cáo đã thừa nhận hành vi trộm phạm tội của mình và trả lại 02 chiếc sim điện thoại viettel mà Bị cáo đã lấy ra từ chiếc điện thoại trộm cắp cho gia đình anh P.

Về vật chứng vụ án gồm: 01 chiếc điện thoại di động loại cảm ứng, nhãn hiệu Vivo màu xanh, máy cũ đã qua sử dụng; 01 ốp lưng dẻo của điện thoại Vivo Y11; 01 thẻ sim điện thoại Viettel; 01 thẻ sim điện thoại Viettel.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 52/KL- ĐGTS ngày 03/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ B, tỉnh Điện Biên kết luận.

- 01 (Một) chiếc điện thoại di động loại cảm ứng, nhãn hiệu Vivo màu xanh, có IMEI 1 là 865635407802639 và 865635047802621, máy cũ đã qua sử dụng, mua mới vào tháng 4/2020, có giá là 2.900.000 đồng, tính khấu hao 10%, giá trị còn lại là 90% giá trị so với tài sản mới tương tự tại thời điểm định giá là 2.900.000 đồng x 90% = 2.610.000 đồng.

- 01 ốp lưng dẻo của điện thoại Vivo Y11, có giá là 87.000 đồng.

- 01 thẻ sim điện thoại Viettel có giá là 20.000 đồng.

- 01 thẻ sim điện thoại Viettel có giá là 20.000 đồng.

Tổng cộng (04 khoản) là: 2.737.000 đồng (Hai triệu, bảy trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

Trong quá trình điều tra Bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá và tại phiên tòa hôm nay Bị cáo cũng không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 278/CT-VKSĐB ngày 05/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ B truy tố bị cáo Lò Văn Biên về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173/BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên giữ quyền công tố, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo Lò Văn B: Từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*".

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình Bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho gia đình bị hại từ giai đoạn điều tra, các Bị hại không có yêu cầu bồi thường về trách nhiệm dân sự, nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Bùi Thị D về trách nhiệm dân sự không yêu cầu Bị cáo bồi thường, nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về vật chứng vụ án: Vật chứng không thu hồi được, gia đình Bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại, nên đề nghị HĐXX không xem xét.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21 và điểm a, khoản 1 Điều 23; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc Bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa Bị cáo khai nhận hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Bị cáo đã rất hối hận.

Lời nói cuối cùng của Bị cáo trước khi HĐXX vào nghị án. Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi phạm tội của Bị cáo:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo Lò Văn Biên đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của Bị cáo tại phiên tòa

phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra cũng như lời khai của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cũng như phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu, Biên bản khám nghiệm hiện trường, Kết luận định giá tài sản. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 10 giờ ngày 27/8/2020, tại bản Bản H H, xã T L, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên, Lò Văn B đã có hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản của anh Lò Văn P một chiếc điện thoại nhãn hiệu Vivo Y11 màu xanh, có ốp lưng màu xám và gắn hai thẻ sim có tổng giá trị tài sản là: 2.737.000 đồng đem bán cho người khác được 1.300.000 đồng và chi tiêu cá nhân hết. Hành vi của Bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được Nhà nước bảo hộ, hành vi của Bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” .

Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên truy tố Bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”:

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[2]. Về tính chất của vụ án: Vụ án có tính chất ít nghiêm trọng, Bị cáo đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản đã có hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản có giá trị là 2.737.000 đồng. Hành vi của Bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây mất trật tự trị an trên địa bàn huyện Đ B, tỉnh Điện Biên, gây hoang mang trong dư luận quần chúng nhân dân. Chính vì vậy Bị cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi phạm tội mà mình đã gây ra. Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với Bị cáo để giáo dục Bị cáo trở thành công dân tốt và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[3]. Về tình tiết tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của Bị cáo:

- *Tình tiết tăng nặng*: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- *Tình tiết giảm nhẹ*: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, Bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường thiệt hại cho Bị hại và Bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo,

đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với Bị cáo được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- *Về nhân thân*: Bị cáo Lò Văn B sinh ra và lớn lên tại Điện Biên được gia đình nuôi ăn học hết lớp 06/12 thì ở nhà phụ giúp gia đình. Tháng 06 năm 2018 chung sống như vợ chồng với Lò Thị T trú tại xã M P, thành phố Đ B P, tỉnh Điện Biên, đến tháng 10/2019 thì không chung sống nữa và có 01 con chung sinh năm 2019.

Việc đề nghị áp dụng hình phạt của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đối với Bị cáo là có căn cứ nên HĐXX cần chấp nhận.

Ngoài hình phạt chính Bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, song xét Bị cáo không có việc làm ổn định, không có tài sản riêng có giá trị nên không có khả năng thi hành. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với Bị cáo.

[4] . Về vật chứng vụ án và trách nhiệm dân sự:

- Về vật chứng: Sau khi mua được chiếc điện thoại của Bị cáo, chị D đã bán cho người khác, Cơ quan điều tra không thu giữ được nên HĐXX không xem xét.

- Về trách nhiệm dân sự: Gia đình Bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho gia đình bị hại anh Lò Văn P và chị Lò Thị P1 từ giai đoạn điều tra, các Bị hại không có yêu cầu bồi thường về trách nhiệm dân sự nên HĐXX không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Bùi Thị D về trách nhiệm dân sự không yêu cầu Bị cáo bồi thường nên HĐXX không xem xét.

Xét đề nghị của anh Lò Văn P, chị Lò Thị P1, chị Bùi Thị D là có căn cứ. Do vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Chị Bùi Thị D là người mua chiếc điện thoại của bị cáo Lò Văn B nhưng không biết tài sản do Bị cáo phạm tội mà có, qua xác minh Cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử lý là có căn cứ. Nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[5]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng:

[5.1]. Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Cơ quan truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và tại phiên tòa Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến

hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[5.2]. Về sự vắng mặt của bị hại là anh Lò Văn P và chị Lò Thị P; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Bùi Thị D. Xét thấy anh P, chị P, chị D đã được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Trong quá trình điều tra anh P, chị P, chị D đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ vụ án. Nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, xét xử vắng mặt anh P, chị Phương, chị D theo quy định của pháp luật.

[6]. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 buộc Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

1. Xử phạt bị cáo Lò Văn B: 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 27/9/2020).

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với Bị cáo.

3. Về vật chứng: Không.

4. Về trách nhiệm dân sự: Không.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21 và điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc Bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời

hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại.
- Nhà tạm giữ CAHĐB;
- VKSND H. Điện Biên;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- CQCSĐT CAHĐB;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Chi cục THADS HĐB;
- Toà án ND tỉnh Điện Biên;
- Bộ phận HSNV C.an HĐB;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Sở tư pháp;
- Lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHÊN TÒA**

Trần Thị Tố Loan